

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN -TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Định Tình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Đưng Knul
2. Bà Trần Thị Mai Thu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐ-HPT ngày 11/06/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q - sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Dương Phúc T - sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/04/2021, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Chị và anh Dương Phúc T cưới hỏi theo phong tục, chung sống từ năm 2012 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/4/2019, tại Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôi, huyện Buôn Đơn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, hay bất đồng quan điểm, hiện nay đã sống ly thân.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng với anh T là không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể duy trì. Chị Quỳnh đề nghị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Dương Quế T – sinh ngày 03/01/2012, hiện nay cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Phúc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số:41/TB-TLVA, ngày 05/04/2021. Nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số:01/TB-TA, ngày 12/04/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số:02/TB-TA, ngày 06/05/2021. Tuy nhiên, anh T vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được, cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Bùi Thị Q và anh Dương Phúc T tại chi hội phụ nữ Thôn T, xã Ea, huyện B. Qua xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng chị Q và anh T có mâu thuẫn với nhau, chi hội phụ nữ thôn và ban tự quản không nhận đơn thư gì của gia đình chị Q. Được biết chị Q đã về Nghệ An sinh sống, hai người đã sống ly thân. Còn anh Dương Phúc T đi làm ít khi về nhà, ban tự quản phối hợp tổng đạt văn bản tố tụng nhưng anh T và gia đình không phối hợp. Tòa án huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị Q vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Dương Phúc T nên hoà giải không thành. Do đó căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Bùi Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Phúc T, sau khi ly hôn chị nhận nuôi con chung là Dương Quế T – sinh ngày 03/01/2012. Về tài sản chung không có và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Chị Bùi Thị Q được ly hôn với anh Dương Phúc T

Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Quế T – sinh ngày 03/01/2012 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung không có, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Dương Phúc T vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Tòa án nhận thấy chị Bùi Thị Q và anh Dương Phúc T chung sống với nhau trên tinh thần tình yêu tự nguyện từ năm 2012, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/4/2019. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 1/2021 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và cờ bạc, dẫn đến gia đình không hạnh phúc, chị Q đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T vẫn không nghe nên chị Quỳnh về nhà bố mẹ ở Nghệ An để sinh sống và hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 1/2021 cho đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Bùi Thị Q và anh Dương Phúc T sinh sống tại Thôn T, xã Ea, huyện B, thì được biết chị Q và anh T đi làm xa, ít khi ở nhà, nhưng hai người đã sống ly thân. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Bùi Thị Q kiên quyết ly hôn với anh Dương Phúc T, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh Dương Phúc T là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Q có nguyện vọng nhận nuôi con chung sau ly hôn, anh T vắng mặt tại phiên tòa do đó cần giao con chung là cháu Dương Quế T – sinh ngày 03/01/2012 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Q .

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Q được ly hôn với anh Dương Phúc T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Dương Quế T– sinh ngày 03/01/2012, cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Q không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai thu số 0002266 ngày 05/4/2021 .

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Bùi Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Dương Phúc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện Buôn Đôn;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Ea Nuôl;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Định Tình